

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *13* /2019/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày *12* tháng 7 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành quy định mức thu học phí giáo dục mầm non,  
phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường  
xuyên năm học 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG  
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;*

*Xét Tờ trình số 2032 /TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 4.** Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và cơ sở giáo dục thường xuyên năm học 2018 - 2019 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Khóa XVI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2019. *Sh*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ GD&ĐT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp
- Vụ Ngân sách Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Đàm Văn Eng**



### QUY ĐỊNH

**Mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trẻ em đang học tại các trường mầm non công lập.
2. Học sinh đang học tại các trường phổ thông công lập (cấp học trung học cơ sở, trung học phổ thông).
3. Học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.
4. Các trường mầm non (mẫu giáo), phổ thông công lập (cấp học trung học cơ sở, trung học phổ thông); các đơn vị có chức năng giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

**Điều 3. Mức thu học phí tại các trường mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà như sau:**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/tháng/học sinh*

STT	Các trường trên địa bàn	Mầm non	Phổ thông	Ghi chú
I	Thành thị (Các phường thuộc thành phố, thị trấn các huyện)			Để lại đơn vị thu 100%
1	Các trường trên địa bàn các phường thuộc thành phố			
1.1	Các trường mầm non đạt chuẩn quốc gia			
1.1.1	Trường mầm non 3-10 phường Hợp Giang	347		
1.1.2	Các trường mầm non thuộc các phường còn lại	231		

STT	Các trường trên địa bàn	Mầm non	Phổ thông	Ghi chú
1.2	Các trường mầm non chưa đạt chuẩn quốc gia			
1.2.1	Trường mầm non 1-6 phường Hợp Giang	315		
1.2.2	Các trường mầm non thuộc các phường còn lại	84		
1.3	Các trường phổ thông (cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông)			
1.3.1	Các trường thuộc phường Hợp Giang		126	
1.3.2	Các trường phổ thông (Cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông) thuộc các phường còn lại		84	
1.4	Trường trung học phổ thông Chuyên		157	
2	Các trường thuộc thị trấn các huyện			
2.1	Các trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	189		
2.2	Các trường mầm non chưa đạt chuẩn quốc gia	63		
2.3	Các trường phổ thông (cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông)		63	
<b>II</b>	<b>Nông thôn (các xã thuộc thành phố, các xã thuộc huyện không bao gồm các xã khu vực III)</b>			Để lại đơn vị thu 100%
1	Các trường trên địa bàn các xã thuộc thành phố			
1.1	Các trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	139		
1.2	Các trường mầm non chưa đạt chuẩn quốc gia thuộc các xã: Hưng Đạo, Vĩnh Quang	53		
1.3	Các trường mầm non chưa đạt chuẩn quốc gia thuộc xã Chu Trinh	42		
1.4	Trường phổ thông cấp trung học cơ sở thuộc các xã: Hưng Đạo, Vĩnh Quang		53	

STT	Các trường trên địa bàn	Mầm non	Phổ thông	Ghi chú
1.5	Trường phổ thông cấp trung học cơ sở thuộc xã Chu Trinh		42	
2	Các trường mầm non, phổ thông (cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông)	42	42	
<b>III</b>	<b>Miền núi (Các xã khu vực III, các xóm đặc biệt khó khăn thuộc các xã, phường khu vực I, khu vực II)</b>			Để lại đơn vị thu 100%
1	Các trường mầm non, phổ thông (cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông)	26	26	

**Điều 4.** Mức thu học phí đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên được thu theo mức thu học phí theo chương trình phổ thông đại trà trên cùng địa bàn.

**Điều 5.** Các nội dung khác không quy định trong Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 và các văn bản hướng dẫn thực hiện. *gh*

**CHỦ TỊCH**



**Đàm Văn Eng**